

Bản án số: 151/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 7 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1998; nơi cư trú tại: Ấp MH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1998; nơi cư trú tại: Ấp MH, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa: Anh D và chị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Lê Thị N chung sống vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh và chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, chị N thường chửi anh. Gia đình hai bên

nhều lần hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay anh xét thấy không thể tiếp tục chung sống được với chị N nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

- *Về nuôi con chung*: Không có.

- *Về chia tài sản*: Gồm 11 chỉ vàng 24k do mẹ ruột của anh cho vợ chồng trong ngày cưới, hiện chị N đang quản lý. Khi ly hôn, anh yêu cầu chia đôi số vàng này cho mỗi người hưởng ½.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn như anh D trình bày là đúng. Chị N cho rằng chị có mâu thuẫn với anh D và mẹ chồng, nguyên nhân do mẹ chồng mượn vàng của chị, nhưng chị không cho mượn dẫn đến anh D và mẹ chồng dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 18/5/2018, gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xét thấy vẫn còn tình cảm với anh D nên không đồng ý ly hôn, chị xin đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung*: Không có.

- *Về chia tài sản*: Theo chị xác định, 11 chỉ vàng 24k mà anh D trình bày là tài sản của mẹ chồng cho riêng chị trong ngày cưới, đây là tài sản riêng của chị, nên chị không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của anh D.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa: Anh D và chị N vẫn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn D, bị đơn chị Lê Thị N là vụ kiện tranh chấp về ly hôn, chia tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của anh D về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2017, anh D và chị N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, theo điểm c mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị N không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, anh D và chị N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Xét về nuôi con chung*: Không có.

[4] *Xét về chia tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Số vàng 11 chỉ không phải do anh D và chị N tự tạo lập trong quá trình chung sống, mà do mẹ chồng cho trong ngày cưới, do đó theo Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì 11 chỉ vàng 24k thuộc hình thức sở hữu chung của anh D và chị N. Mặt khác, theo khoản 4 Điều 213 thì tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án. Đồng thời theo khoản 2 Điều 213 thì vợ chồng có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung. Như vậy, yêu cầu chia đôi số vàng của anh D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, số vàng 11 chỉ hiện do chị N đang quản lý, nên chị N phải có nghĩa vụ giao lại cho anh D 5,5 chỉ vàng 24k.

[5] *Xét về nợ người khác và người khác nợ lại*: Theo anh D và chị N xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Xét về án phí hôn nhân và gia đình*: Anh D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] *Xét về án phí dân sự*: Anh D và chị N phải chịu án phí dân sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể:

- Anh D phải chịu: $5,5 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5\% = 970.000đ$ (giá vàng theo Hội mỹ nghệ kim hoàn tỉnh Cà Mau ngày 11/7/2018 là 01 chỉ vàng 24k = 3.530.000đ).

- Chị N phải chịu: $5,5 \text{ chỉ vàng } 24k \times 5\% = 970.000đ$ (giá vàng theo Hội mỹ nghệ kim hoàn tỉnh Cà Mau ngày 11/7/2018 là 01 chỉ vàng 24k = 3.530.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị N là vợ chồng.

2. *Về chia tài sản:*

- Anh Nguyễn Văn D được hưởng 5,5 (năm chỉ năm phân) vàng 24k.
- Chị Lê Thị N được hưởng 5,5 (năm chỉ năm phân) vàng 24k.
- Buộc chị Lê Thị N phải có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Văn D 5,5 (năm chỉ năm phân) vàng 24k.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009855 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *Về án phí dân sự:*

- Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự với số tiền 970.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 492.000 đồng theo biên lai số 0009856 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Nguyễn Văn D còn phải nộp 478.000 đồng tiền án phí dân sự.

- Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự với số tiền 970.000 đồng (*chưa nộp*).

5. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

